|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | | **Tên nghề hoặc công việc** | **Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc** |
| **Điều kiện lao động loại VI** | | | |
| 1 | | Vận hành hệ thống thiết bị khoan dầu khí trên sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất. |
| 2 | | Vận hành hệ thống thiết bị khoan dầu khí trên đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất. |
| 3 | | Vận hành hệ thống thiết bị khoan dầu khí trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất. |
| 4 | | Địa vật lý giếng khoan dầu khí trên sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của chất phóng xạ, ồn, rung. |
| 5 | | Địa vật lý giếng khoan dầu khí trên đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của chất phóng xạ, ồn, rung. |
| 6 | | Địa vật lý giếng khoan dầu khí trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, giàn nhẹ, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của chất phóng xạ, ồn, rung. |
| 7 | | Sửa chữa giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan ở sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 8 | | Sửa chữa giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan ở đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 9 | | Sửa chữa giếng khoan dầu khí trên các giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 10 | | Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy tàu khoan. | Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của rung, ồn, hơi khí độc. |
| 11 | | Chống ăn mòn công trình dầu khí trên vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hóa chất độc. |
| 12 | | Chống ăn mòn công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hóa chất độc. |
| **Điều kiện lao động loại V** | | | |
| 1 | | Khảo sát, thử vỉa, lắp đặt thiết bị lòng giếng khoan dầu khí trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 2 | | Khảo sát, thử vỉa, lắp đặt thiết bị lòng giếng khoan dầu khí trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 3 | | Khảo sát, thử vỉa, lắp đặt thiết bị lòng giếng khoan dầu khí trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 4 | | Vận hành thiết bị cân bằng giàn khoan trên giàn tự nâng, tàu khoan, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung và hóa chất độc. |
| 5 | | Pha chế, xử lý dung dịch khoan trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 6 | | Pha chế, xử lý dung dịch khoan trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 7 | | Pha chế, xử lý dung dịch khoan trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 8 | | Bơm trám xi măng, dung dịch khoan trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 9 | | Bơm trám xi măng, dung dịch khoan trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 10 | | Bơm trám xi măng, dung dịch khoan trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 11 | | Vận hành hệ thống, thiết bị theo dõi dữ liệu khoan và dữ liệu địa chất trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 12 | | Vận hành hệ thống, thiết bị theo dõi dữ liệu khoan và dữ liệu địa chất trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 13 | | Vận hành hệ thống, thiết bị theo dõi dữ liệu khoan và dữ liệu địa chất trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, trong trạm máy, công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 14 | | Bắn nổ mìn giếng (khoan thăm dò, khai thác) trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 15 | | Bắn nổ mìn giếng (khoan thăm dò, khai thác) trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 16 | | Bắn nổ mìn giếng (khoan thăm dò, khai thác) trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 17 | | Bốc mẫu giếng khoan trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 18 | | Bốc mẫu giếng khoan trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 19 | | Bốc mẫu giếng khoan trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 20 | | Vận hành thiết bị kiểm soát giếng khoan trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, hóa chất độc. |
| 21 | | Vận hành thiết bị kiểm soát giếng khoan trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, hóa chất độc. |
| 22 | | Vận hành thiết bị kiểm soát giếng khoan trên giàn tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 23 | | Gọi dòng dầu khí trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 24 | | Gọi dòng dầu khí trên công trình khai thác dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 25 | | Gọi dòng dầu khí trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 26 | | Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống thiết bị khai thác, xử lý dầu khí trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 27 | | Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống thiết bị khai thác, xử lý dầu khí trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 28 | | Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống thiết bị khai thác, xử lý dầu khí trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 29 | | Vận hành hệ thống bơm nước ép vỉa trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 30 | | Vận hành hệ thống bơm nước ép vỉa trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 31 | | Vận hành hệ thống bơm nước ép vỉa trên giàn khoan cố định, giàn ép vỉa. | Làm việc ngoài trời, trên biển, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 32 | | Xử lý giếng khoan dầu khí trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 33 | | Xử lý giếng khoan dầu khí trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 34 | | Vận hành hệ thống khai thác dầu khí bằng phương pháp khí nén (gaslift) trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 35 | | Vận hành hệ thống khai thác dầu khí bằng phương pháp khí nén (gaslift) trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 36 | | Vận hành hệ thống khai thác dầu khí bằng phương pháp khí nén (gaslift) trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc. |
| 37 | | Móc cáp treo hàng trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Làm việc ngoài trời, trên sa mạc, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung. |
| 38 | | Móc cáp treo hàng trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Làm việc ngoài trời, trên đầm lầy, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung. |
| 39 | | Móc cáp treo hàng trên giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan. | Làm việc ngoài trời, trên biển, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn. |
| 40 | | Giao nhận, bảo quản vật tư, hóa chất, vật liệu nổ, trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | Nơi làm việc chịu tác động của môi trường khắc nghiệt, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc. |
| 41 | | Giao nhận, bảo quản vật tư, hóa chất, vật liệu nổ, trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | Nơi làm việc chịu tác động của môi trường khắc nghiệt, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc. |
| 42 | | Thủ kho, chủ nhiệm kho, nhân viên xuất nhập hóa chất trên các công trình dầu khí trên biển. | Làm việc trên biển, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc. |
| 43 | | Vận hành tuốc bin, máy phát điện diezen trên các công trình dầu khí trên biển, trên phao rót dầu. | Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất. |
| **Điều kiện lao động loại IV** | | | |
| 1 | Bác sỹ, quản trị, phiên dịch, tạp vụ, phục vụ sinh hoạt trên công trình dầu khí vùng sa mạc. | | Nơi làm việc chịu tác động của môi trường khắc nghiệt. |
| 2 | Bác sỹ, quản trị, phiên dịch, tạp vụ, phục vụ sinh hoạt trên trên công trình dầu khí vùng đầm lầy. | | Nơi làm việc chịu tác động của môi trường khắc nghiệt. |
| 3 | Bác sỹ, quản trị, phiên dịch, tạp vụ, phục vụ sinh hoạt trên trên giàn khoan cố định, giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan, tàu chứa dầu trên biển. | | Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, rung. |
| 4 | Vận hành hệ thống kho chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí tự nhiên hóa lỏng (LNG). | | Công việc nguy hiểm, nguy cơ cháy nổ, ngộ độc, ngạt hóa chất và bỏng lạnh. |
| 5 | Vận hành tuốc bin, máy phát điện diezen trên các công trình dầu khí trên bờ. | | Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, hóa chất. |
| 6 | Vận hành hệ thống thiết bị xuất nhập khí tại cầu cảng. | | Công việc nguy hiểm, tiếp xúc với hóa chất. |
| 7 | Vận hành hệ thống thiết bị phân phối khí tại các nhà máy chế biến khí, kho cảng chứa khí, trạm phân phối, trung tâm phân phối khí. | | Công việc nguy hiểm, chịu ảnh hưởng của hóa chất độc, nguy cơ cháy nổ. |
| 8 | Vận hành hệ thống cracking dầu mỏ bằng công nghệ xúc tác tầng sôi (RFCC) và xử lý xăng naphtha từ RFCC. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi, nhiệt độ cao. |
| 9 | Vận hành hệ thống chế biến hạt nhựa poly-propylene từ dòng propylene của quá trình lọc dầu. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hóa chất, tia phóng xạ. |
| 10 | Vận hành hệ thống chưng cất dầu thô và xử lý dầu hỏa (kerosene). | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hóa chất, tia phóng xạ. |
| 11 | Vận hành hệ thống xử lý xăng naphtha bằng hydro và hệ thống chuyển hóa (reforming) xúc tác tăng chỉ số oc-tan của xăng. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hóa chất. |
| 12 | Vận hành hệ thống đồng phân hóa xăng naphtha. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hơi hóa chất. |
| 13 | Vận hành hệ thống xử lý và thu hồi propylen, khí hóa lỏng. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hơi hóa chất. |
| 14 | Vận hành hệ thống xử lý dầu dầu nhẹ trộn diezen (LCO) bằng khí hydro. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, hơi hóa chất. |
| 15 | Vận hành hệ thống cung cấp kiềm NaOH. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, hóa chất độc. |
| 16 | Vận hành hệ thống máy, thiết bị sản xuất xăng sinh học (Ethanol). | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, hóa chất độc và tia phóng xạ. |
| 17 | Vận hành hệ thống bồn chứa Amoniắc, đuốc đốt. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, hóa chất độc. |
| 18 | Sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm tra các thiết bị chế biến dầu khí và sản phẩm - hóa phẩm dầu khí. | | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc, ồn, rung, bụi, chất phóng xạ, nguy cơ cháy nổ cao. |
| 19 | Vận hành thiết bị phòng chống cháy nổ và ứng cứu khẩn cấp trong công nghiệp chế biến dầu khí và sản phẩm dầu khí. | | Công việc nặng nhọc, căng thẳng thần kinh tâm lý, nguy cơ cháy nổ cao. |
| 20 | Vận hành, sửa chữa nhỏ hệ thống thiết bị điện, điện lạnh, thông tin liên lạc, nồi hơi trên giàn khoan cố định, giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan, tàu chứa dầu, phao rót dầu trên biển. | | Công việc nặng nhọc, làm việc trên biển, chịu tác động của ồn, rung, hơi khí độc. |
| 21 | Ứng cứu sự cố (cháy, nổ, phun trào, tràn dầu) trên giàn khoan cố định, giàn tự nâng, giàn nửa nổi nửa chìm, tàu khoan, tàu chứa dầu, phao rót dầu trên biển. | | Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, rung lắc. |